

DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH SOI SÁNG CON ĐƯỜNG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC GIÀU MẠNH, PHỒN VINH, HẠNH PHÚC

PGS, TS NGUYỄN VĂN LÝ
Học viện Chính trị khu vực III

D*i chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được công bố năm 1969 và toàn bộ các bản viết *Di chúc* được Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) quyết định công bố năm 1989 vào dịp chuẩn bị kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người (19-5-1990). *Di chúc* được viết vào lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước dù đang trên đà thắng lợi nhưng còn nhiều khó khăn, gian khổ, đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiếp tục nỗ lực phấn đấu với niềm tin vững chắc sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước “nhất định thắng lợi hoàn toàn” như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là văn kiện chính trị có giá trị lịch sử to lớn và ý nghĩa thời đại sâu sắc. Đó là sự kết tinh ở tầm cao của lý tưởng, niềm tin, tình cảm cách mạng sâu sắc, trí tuệ sáng suốt và đạo đức trong sáng của Người. Qua 55 năm, kể từ lúc được công bố, giá trị lý luận và thực tiễn của *Di chúc* ngày càng được khẳng định và mãi mãi soi đường để chúng ta đi tiếp con đường cách mạng vinh quang mà Người đã lựa chọn và dẫn dắt dân tộc ta đi tới thắng lợi. Sức sống mạnh mẽ, trường tồn của *Di chúc* thể hiện ở những quan điểm cốt lõi định hướng và bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam, trong đó tựu trung ở các điểm sau:

Một là, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Đường lối thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội là một trong những cống hiến lý luận quan trọng của Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận của nhân loại và được thực tiễn cách mạng Việt Nam kiểm chứng tính khoa học, cách mạng và nhân văn của nó qua từng giai đoạn cách mạng. Từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến kháng chiến chống thực dân Pháp, thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những thành tựu to lớn của gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo của con đường Cách mạng Việt Nam mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định và lãnh đạo nhân dân ta thực hiện. Đặt Cách mạng Việt Nam trong bối cảnh của cách mạng vô sản, giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh quan niệm thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giành độc lập dân tộc là tiền đề để quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta. Trong *Di chúc*, khi nói về cuộc kháng chiến chống Mỹ, Người

khẳng định quyết tâm và niềm tin tất thắng của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc để “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹. Đó cũng chính là “Điều mong muốn cuối cùng” mà Người gửi gắm lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối cách mạng Việt Nam. Độc lập dân tộc là mục tiêu trước mắt, là tiền đề và điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội ngày càng phát triển thì độc lập dân tộc và tự do, hạnh phúc của Nhân dân càng được củng cố, bảo vệ vững chắc. Trong quá trình cách mạng Việt Nam, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta kiên trì thực hiện với những nội dung, hình thức, bước đi, cách làm phù hợp với từng thời kỳ cách mạng. Với tầm nhìn xa và rộng, trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh dự tính những việc cần làm sau khi hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Từ việc hàn gắn vết thương chiến tranh do bọn xâm lược gây ra đến việc thực hiện chính sách đối với thương binh, liệt sĩ, người có công, phụ nữ, nông dân và kế hoạch xây dựng đất nước sau chiến tranh. Người cho rằng: “Công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”². Thực hiện nhiệm vụ này trong thời kỳ chuyển đất nước từ chiến tranh sang hòa bình là điều kiện bảo đảm ổn định xã hội để phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đang tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa “vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”³ là tiếp tục con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là cội nguồn sức mạnh đem lại những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam. Đó là con đường duy nhất đúng đắn, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội Việt

Nam và phù hợp với xu thế của thời đại. Vì vậy, việc “*nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau”⁴ là điều kiện tiên quyết bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Hai là, xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân”

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Hồ Chí Minh thấu hiểu rằng, mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều gắn liền với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Trong *Di chúc*, điều căn dặn đầu tiên của Người là “Trước hết nói về Đảng”⁵. Người khẳng định đoàn kết là vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng, nguồn gốc của mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là “một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”⁶. Người căn dặn: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”⁷. Để thực hiện đoàn kết thống nhất trong Đảng, Hồ Chí Minh yêu cầu phải thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc xây dựng Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”⁸. Là đảng cầm quyền, Đảng ta có sứ mệnh lãnh đạo nhân dân xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Để hoàn thành sứ mệnh cao cả đó “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân”⁹. Gắn cách mạng Việt Nam với phong trào cộng sản quốc tế, Người mong rằng Đảng ta sẽ “góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa

quốc tế vô sản có lý, có tình”¹⁰. Trong phần bổ sung *Di chúc*, năm 1968, đoạn nói về những công việc cần làm sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ hoàn toàn thắng lợi, Người cho rằng, việc hàn gắn vết thương chiến tranh nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra là công việc to lớn, phức tạp, khó khăn nên “Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, đề tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm”¹¹. Đề hoàn thành nhiệm vụ to lớn đó “việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm, toàn ý phục vụ Nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”¹². Quán triệt tinh thần của *Di chúc* và từ thực tiễn lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, Đảng ta coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt và tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng; thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới. Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu và tính tiên phong của Đảng luôn là nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Ba là, chăm lo cho con người, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân

Yêu thương, quý trọng, tin tưởng vào sức mạnh của con người, coi con người là mục tiêu, động lực của sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thường xuyên chăm lo đời sống của nhân dân là tư tưởng và hành động nhất quán của Hồ Chí Minh trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng cao đẹp của Người. Trong *Di chúc*, với niềm tin và sự quan tâm sâu sắc vào con người, Hồ Chí Minh lưu ý, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, cùng với việc chỉnh đốn lại Đảng thì “Đầu tiên là công việc đối với *con người*”. Người căn dặn Đảng, Nhà nước phải quan tâm đến mọi đối tượng trong xã hội bằng những chính sách cụ thể, thiết thực, công bằng: chính sách

đối với những người trực tiếp tham gia kháng chiến (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích...); chính sách với liệt sĩ, thân nhân của thương binh, liệt sĩ; thanh niên xung phong và những chiến sĩ trẻ được rèn luyện trong chiến đấu; đoàn viên, thanh niên; phụ nữ, nông dân; các nạn nhân của chế độ cũ. *Di chúc* cũng đề cập đến “kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh. Khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế. Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân...”¹³. Người khẳng định lòng tin của Nhân dân vào Đảng và trách nhiệm của Đảng trước Nhân dân: “Từ ngày có Đảng, Nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng. Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”¹⁴. Bản chất, mục tiêu thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội chính là chăm lo cho con người, nâng cao đời sống mọi mặt cho Nhân dân. Hồ Chí Minh từng khẳng định: “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹⁵ và “Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”¹⁶. Đó là tư tưởng, tấm gương sáng ngời của “người anh hùng dân tộc vĩ đại”, vị lãnh tụ kính yêu của Đảng, của Nhân dân suốt đời “hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân”¹⁷ cho đến lúc sắp đi vào cõi vĩnh hằng “chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”¹⁸. Có thể nói: “Hồ Chí Minh là người của chủ nghĩa nhân đạo theo ý nghĩa đầy đủ nhất: thương yêu, kính trọng, tin tưởng, biết đòi hỏi và biết phát huy con người, đối với dân tộc Việt Nam và đối với các dân tộc trên thế giới, đối với đông đảo nhân dân lao động và đối với từng người”¹⁹. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, về hạnh phúc của Nhân dân, quan điểm “dân là gốc” được Đảng và Nhà nước ta quán triệt sâu sắc trong mọi hoạt động của mình. Phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” đã từng bước đi vào cuộc sống, góp phần phát huy mạnh mẽ vai trò của Nhân dân, củng cố, tăng cường niềm tin, sự gắn bó máu thịt của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế

độ xã hội chủ nghĩa. Nhân dân là trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước “phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”²⁰ như Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định.

Bốn là, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn dành cho thế hệ trẻ sự quan tâm và những tình cảm sâu sắc. Người đã dành nhiều tâm huyết cho việc đào tạo, bồi dưỡng, dẫn dắt nhiều lớp thanh, thiếu niên Việt Nam đến với cách mạng, tham gia tích cực vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngay từ những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Người khẳng định: “nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”²¹. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đánh giá “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ”²². Sự nghiệp cách mạng đòi hỏi thế hệ trẻ phải được chuẩn bị đầy đủ về đồng hành và tiếp bước sự nghiệp của các thế hệ đi trước. Để thế hệ trẻ thực hiện tốt vai trò của mình, Hồ Chí Minh yêu cầu “Đảng phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa *hồng* vừa *chuyên*”²³. Hồ Chí Minh coi Đoàn Thanh niên là “cánh tay đắc lực của Đảng” trong việc tổ chức, giáo dục các thế hệ thanh, thiếu niên trở thành những chiến sĩ trung thành với lý tưởng cách mạng và sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Thực hiện lời căn dặn của Người: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”²⁴, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm chăm lo giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ, coi đó là nhiệm vụ vừa cơ bản, cấp bách vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh việc “Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, khát vọng vươn lên; nêu

cao tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, với xã hội...”²⁵, đồng thời, đề phát huy vai trò của thế hệ trẻ cần “Tạo động lực cho thanh niên xung kích trong học tập, lao động sáng tạo, khởi nghiệp, lập nghiệp; làm chủ các kiến thức khoa học, công nghệ hiện đại, phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”²⁶ và “dành những điều kiện tốt nhất, sự chăm lo chu đáo nhất cho trẻ em - tương lai của đất nước”²⁷.

Năm là, đoàn kết, hợp tác quốc tế, kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để phát triển đất nước

Đoàn kết, hợp tác quốc tế là một tư tưởng lớn trong chiến lược đại đoàn kết của Hồ Chí Minh và được Người đề cập trong *Di chúc*. Theo Hồ Chí Minh, thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đặc biệt là trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trước hết là thắng lợi của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Mặt khác, thắng lợi đó không thể tách rời sự đoàn kết, ủng hộ, giúp đỡ tận tình và có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè trên thế giới. Vì vậy, trong *Di chúc*, Người dự kiến đến ngày đất nước thống nhất, sau khi đi chúc mừng và thăm hỏi đồng bào hai miền Nam Bắc, “sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta”²⁸. Là người đã có những đóng góp quan trọng cho sự đoàn kết, thống nhất của các lực lượng cách mạng trên thế giới, điều Hồ Chí Minh trăn trở nhất trong *Di chúc* là sự rạn nứt, bất hòa trong phong trào cộng sản quốc tế, giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Người mong muốn “Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình”²⁹. Chính trên nền tảng mang tính nguyên tắc đó, Người “tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại”³⁰ để cùng cố, phát triển phong trào xã hội chủ nghĩa - biểu trưng của đoàn kết quốc tế vì sự nghiệp giải phóng người lao động bị áp bức, xây dựng chủ nghĩa xã hội với tính cách là một xã hội nhân văn và văn hóa, lấy con người làm mục đích tối cao của sự

phát triển xã hội. Theo Hồ Chí Minh, mục tiêu của đoàn kết, hợp tác quốc tế chính là tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế để tạo sức mạnh tổng hợp cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Thực hiện di huấn của Người, Đảng ta đã góp phần cùng cố, xây dựng tình đoàn kết trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, mở rộng hợp tác với các nước vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Trong quá trình đổi mới, đối với các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, Đảng ta kiên trì “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”³¹. Trong bối cảnh hiện nay, tình hình thế giới và nước ta tiếp tục có nhiều sự thay đổi cơ bản so với trước đây nhưng tư tưởng đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại của Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị định hướng quan trọng trong việc hoạch định và thực thi đường lối đối ngoại, hợp tác quốc tế của Đảng, Nhà nước ta để bảo đảm tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho sự phát triển đất nước.

Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nguồn động viên, cổ vũ vô cùng to lớn để Đảng lãnh đạo quân và dân ta giành thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội. Trong sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo “Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới”³². Sự phát triển về kinh tế - xã hội, sự ổn định về chính trị, việc nâng cao từng bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân... đã tạo tiền đề cho sự phát triển nhanh

và bền vững của đất nước cho dù “đất nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức và hạn chế”³³. Ngay từ Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, khóa VII (1994), Đảng ta đã xác định những thách thức lớn cản trở quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là “nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới...; nguy cơ lệch hướng xã hội chủ nghĩa...; nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Các nguy cơ đó có liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau”³⁴. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục lưu ý: “Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn... Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp”³⁵. Điều đó đòi hỏi Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta tiếp tục cùng cố và phát huy mạnh mẽ những thành tựu đạt được, nắm bắt thời cơ, nỗ lực vượt qua thách thức để đưa đất nước tiến lên. Trong sự nghiệp cách mạng lâu dài, khó khăn, phức tạp nhưng cũng đầy vinh quang và sáng tạo đó, cùng với tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người thì *Di chúc* mãi mãi là kim chỉ nam, ánh sáng soi đường cho Đảng, Nhân dân và dân tộc ta trong hành trình đi tới chủ nghĩa xã hội vì sự giàu mạnh, phồn vinh của đất nước và hạnh phúc của Nhân dân.

1, 2, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 21, 22, 23, 24, 28, 29, 30. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, (1966 - 1969), Nxb CTQG - ST, 2011, t.15 tr. 624; tr. 617; tr. 611; tr. 611; tr. 611; tr. 611; tr. 611 - 612; tr. 613; tr. 616; tr. 616; tr. 617; tr. 612; t. 4 (1945 - 1946), tr. 64; tr. 175; t. 15, tr. 615; tr. 615; t. 5 (1947 - 1948), tr. 216; t.15, tr. 612; tr. 612; tr. 612; tr. 621; tr. 623; tr. 623.

3, 20, 25, 26, 27, 31, 32, 33, 35. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 128, tr. 28, tr. 168, tr. 168, tr. 168 - 169, tr. 161 - 162, tr. 25, tr. 31, tr. 108.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG - ST, 2011, tr. 65.

19. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Tình hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb CTQG, H, 2009, tr. 203.

34. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, khóa VII*, tháng 1-1994, tr. 25.